

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 20 tháng 7 năm 2021  
*“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa  
anh Vương Thanh T và chị Trần Thị T1”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bàn Văn Thế.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ma Quốc Thế  
Ông Hoàng Văn Hùng.
  - *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
  - *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.
- Ngày 20/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/6/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 02/7/2021, giữa các đương sự:
- **Nguyên đơn:** Anh Vương Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
  - **Bị đơn:** Chị Trần Thị T1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vương Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Vương Thanh T) với chị Trần Thị T1 kết hôn với nhau vào ngày 19/9/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ

chồng về sinh sống cùng nhau tại thôn G, xã P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau. Anh và chị T1 đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giảm đi mà ngày càng trầm trọng. Cũng từ năm 2018, chị T1 đi làm ăn xa và ngày càng ít liên lạc với gia đình, không quan tâm đến con cái. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị T1.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T1 có một con chung là cháu Vương Đức T2, sinh ngày 07/11/2016. Sau khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh xác định anh và chị T1 không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Trần Thị T1 đến Tòa án để giải quyết việc anh T yêu cầu ly hôn, nhưng chị T1 đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Trần Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay chị T1 đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ mới cho gia đình và địa phương; anh T và chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị T1 sinh sống tại thôn G, xã P. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng anh T và chị T1 có một con chung là cháu Vương Đức T2, sinh ngày 07/11/2016, hiện nay cháu T2 đang ở cùng anh T tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho anh Vương Thanh T được ly hôn với chị Trần Thị T1; giao cháu Vương Đức T2, sinh ngày 07/11/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung. Anh Vương Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị Trần Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã P huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay chị T1 đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ mới cho gia đình và địa phương nên hiện tại không rõ chị T1 đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình đã thông báo cho chị T1 nhưng chị T1 vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Thanh T và chị Trần Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, cuộc sống hôn nhân của anh T và chị T1 không hạnh phúc, và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Vương Thanh T là xử cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị T1.

[3] Về con chung: Anh Vương Thanh T và chị Trần Thị T1 có một con chung là cháu Vương Đức T2, sinh ngày 07/11/2016, hiện nay cháu T2 đang ở cùng anh T tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Xét thấy cháu T2 ở với anh T từ nhỏ, còn chị T1 hiện nay không có nơi cư trú ổn định nên cần giao cháu T2 cho anh Vương Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: Anh Vương Thanh T xác định vợ chồng không có tài sản, vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Vương Thanh T phải nộp án phí sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vương Thanh T ly hôn với chị Trần Thị T1.

**2.** Về con chung: Giao cháu Vương Đức T2, sinh ngày 07/11/2016 cho anh Vương Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Anh Vương Thanh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001664 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị Trần Thị T1 không phải nộp án phí.

Anh Vương Thanh T và chị Trần Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
**(Đã ký)**

**Bàn Văn Thế**